

Số: 112/NQ-HĐND

Phong Thổ, ngày 24 tháng 3 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Phân bổ vốn sự nghiệp nguồn vốn ngân sách trung ương năm 2023
thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ
KHÓA XXI, KỲ HỌP THỨ MƯỜI HAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc phân bổ, bổ sung kinh phí thực hiện các
chương trình mục tiêu, Chương trình mục tiêu quốc gia và các chế độ, chính
sách năm 2023;*

*Xét Tờ trình số 56/TTr-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân
dân huyện về việc phân bổ vốn sự nghiệp nguồn vốn ngân sách trung ương năm
2023 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia và Báo cáo thẩm tra số
959/BC-HĐND ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Ban Kinh tế - Xã hội, Hội đồng
nhân dân huyện và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ vốn sự nghiệp nguồn vốn ngân sách trung ương năm 2023 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Phong Thổ với tổng số tiền: 66.570 triệu đồng, cụ thể:

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 1.868 triệu đồng.
- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 33.308 triệu đồng.
- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 31.394 triệu đồng.

(Có các phụ lục, biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao

1. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện.



2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện khóa XXI, kỳ họp thứ mười hai thông qua ngày 24 tháng 3 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND, UBND tỉnh
- Sở KH&ĐT
- Sở Tài chính
- TT. Huyện uỷ
- TT. HĐND huyện
- Lãnh đạo UBND huyện;
- UBMTTQ VN huyện;
- Các Ban HĐND, Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, đoàn thể huyện;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, TCKH.

} b/c;

CHỦ TỊCH



Sùng A Nử



**PHỤ LỤC GIÁO KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP NĂM 2023 THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MTQG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN
PHONG THỐ**

(Kèm theo Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của HĐND huyện Phong Thổ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Dự án, tiêu dự án	Kinh phí phân bổ kỳ này	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
1	2	4	5	6
A	Tổng cộng 3 chương trình	66.570		
1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2023	1.868		
-	Kinh phí hoạt động quản lý chương trình	100		
-	Ban Chỉ đạo cấp huyện	20	Phòng NN&PTNT	
-	Ban Chỉ đạo cấp xã	80	16 xã trên địa bàn	Chi tiết PL02
2	Chi phí thực hiện chương trình tại các huyện, thành phố	1.768		
	Hỗ trợ phát triển theo chuỗi giá trị, xây dựng và phát triển vùng nguyên liệu tập trung (Mường Sò, Không Láo, Ma Li Pho, Huổi Luông)	1.768	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	
B	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	33.308		
1	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế và phát triển mô hình giảm nghèo	10.515		
-	Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế các mô hình giảm nghèo cho các xã (Hỗ trợ dự án cộng đồng)	8.500	Các xã, thị trấn	Chi tiết PL02
-	Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế các mô hình giảm nghèo (Chuỗi giá trị, nhiệm vụ....)	2.015	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	
2	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	5.807		
-	Tiêu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	4.679	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	
-	Tiêu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	1.128	Trung tâm y tế huyện	
3	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	3.423		
-	Tiêu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	1.832	TT GDNN-GDTC	
-	Nội dung: Hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động tại các huyện, thành phố	1.832		
-	Tiêu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	957	Phòng LĐ-TB và XH chủ trì, thực hiện	
-	Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	634		
4	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo	12.060		Chi tiết PL02
5	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	325	Các xã, thị trấn	
-	Tiêu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	325	Trung tâm văn hóa - Thể thao và Truyền thông	
6	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá kế hoạch thực hiện chương trình	1.178		
-	Tiêu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện kế hoạch	852	Phòng LĐ-TB và XH	

STT	Dự án, tiêu dự án	Kinh phí phân bổ kỳ này	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
1	2	4	5	6
-	Tiêu dự án 2: Giám sát, đánh giá	326	Các xã, thị trấn	Chi tiết PL02
C	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	31.394		
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	2.505		
-	Nội dung số 01: Hỗ trợ đất ở	505	Phòng Dân tộc	
-	Nội dung số 03: Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề	1.000	Phòng Dân tộc	
-	Nội dung số 04: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	1.000	Phòng Dân tộc	
2	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	13.318		
-	Tiêu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	1.800	Ban Quản lý rừng phòng hộ	
-	Tiêu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN	11.518	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	
3	Dự án 5: Phát triển giáo dục và đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	10.554		
-	Tiêu dự án 1: Đồi môi hoạt động, cũng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường PTDT có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân tộc vùng đồng bào DTTS	2.611		
+	Thực hiện xóa mù chữ cho người dân tộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	1.021	Phòng GD&ĐT	
+	Đầu tư cơ sở vật chất thực hiện chuyển đổi số giáo dục phục vụ học tập phục vụ việc giảng dạy và học tập trực tuyến cho học sinh dân tộc thiểu số	1.590	Phòng GD&ĐT	
-	Tiêu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.047	Phòng Nội vụ	
+	Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	1.047		
-	Tiêu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	6.896		
+	Sửa chữa cơ sở vật chất Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên (giai đoạn 2), huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	3.700	TT GDNN-GDTC	
+	Phòng LĐ-TB&XH	2.696	Phòng LĐ-TB&XH	
+	Các xã, thị trấn	500	Các xã, thị trấn	Chi tiết PL02
4	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	3.291		
-	Hoạt động tuyên truyền, vận động thay đổi "nếp nghĩ, cách làm" góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em	441	Hội LHPN huyện	



STT	Dự án, tiểu dự án	Kinh phí phân bổ kỳ này	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
1	2	4	5	6
-	Hoạt động tuyên truyền vận động thay đổi "nếp nghĩ, cách làm" góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em: Thực hiện các chiến dịch truyền thông xóa bỏ định kiến và khuôn mẫu giới, xây dựng môi trường sống an toàn cho phụ nữ và trẻ em.	500	Trung tâm VH TT & TT	
-	Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi "nếp nghĩ, cách làm" nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em: Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ dân tộc thiểu số.	500	Phòng LĐ-TB & XH	
-	Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi "nếp nghĩ, cách làm" nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em: Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ dân tộc thiểu số.	200	Phòng Dân tộc	
-	Hoạt động tuyên truyền, vận động thay đổi "nếp nghĩ, cách làm" góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em: Triển khai 04 gói hỗ trợ phụ nữ dân tộc thiểu số sinh đẻ an toàn và chăm sóc sức khỏe trẻ em.	800	Trung tâm Y tế	
-	Hoạt động tuyên truyền, vận động thay đổi "nếp nghĩ, cách làm" góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em.	170	UBND các xã, thị trấn	Chi tiết PL02
-	Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi "nếp nghĩ, cách làm" nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em	680	UBND các xã, thị trấn	Chi tiết PL02
5	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn	744		
-	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	744		
+	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS & MN	374	Phòng Dân tộc	
+	Truyền thông, nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ	220	Phòng Tư pháp	
+	Công tác tư vấn, can thiệp lồng ghép + Duy trì và triển khai Mô hình tại các xã/huyện/trường có tỷ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cao	150	Trung tâm Y tế	
6	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS & MN, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình	982		



82

88



STT	Dự án, tiêu dự án	Kinh phí phân bổ kỳ này	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
1	2	4	5	6
-	Tiêu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030	693		
+	Tiêu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của NCUT; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình MTQG PT KTXH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030	443	Phòng Dân tộc	
+	Nội dung số 3: Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	150	Phòng Tư pháp	
+	Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng; tổ chức các hoạt động gặp mặt, tọa đàm, giao lưu đối với lực lượng cốt cán và người có uy tín	100	Công an huyện	
-	Tiêu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	289	Phòng Dân tộc	

PHỤ LỤC CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN SỬ NGHIỆP NĂM 2023 THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MTQC PHÂN BỐ CHO CÁC XÃ, THỊ TRẤN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN PHONG THO
(Kèm theo Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của HĐND huyện Phong Thổ)



Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Dự án, tiêu đề án	Kế hoạch vốn Sử nghiệp năm 2023	Kinh phí phân bổ cho các đơn vị	Chi tiết kế hoạch vốn phân bổ cho từng xã, thị trấn													Ghi chú				
				Thị trấn	Xã Sĩ Lờ Lầu	Xã Vàng Ma Chải	Xã Mỏ Sĩ San	Xã Pa Vây Sừ	Xã Tùng Quan Lìn	Xã Đào San	Xã Mù Sang	Xã Bán Lang	Xã Khổng Lao	Xã Hoàng Thèn	Xã Ma Li Pho	Xã Huổi Luông		Xã Lán Nhi Thàng	Xã Mường So	Xã Năm Xe Suối Hồ	Xã Sin
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	Tổng cộng 3 chương trình	22.316	22.316	1.062	1.782	1.676	1.314	1.314	1.314	1.314	996	1.662	1.498	1.236	1.027	1.028	916	1.363	1.423	1.040	
A	Chương trình MTQC xây dựng nông thôn mới năm 2023	80	80	0	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5
I	Kinh phí hoạt động quản lý chương trình	80	80	0	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5
-	Ban Chỉ đạo cấp xã	80	80	0	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5
B	Chương trình MTQC giảm nghèo bền vững	20.886	20.886	987	1.690	1.596	1.234	1.234	1.234	1.234	916	1.572	1.413	1.156	947	933	836	1.273	1.330	960	
I	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế và phát triển mô hình giảm nghèo	8.500	8.500	500	500	500	500	500	500	500	500	500	500	500	500	500	500	500	500	500	500
-	Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế các mô hình giảm nghèo cho các xã (Hỗ trợ dự án cộng đồng)	8.500	8.500	500	500	500	500	500	500	500	500	500	500	500	500	500	500	500	500	500	500
2	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo	12.060	12.060	480	1.160	1.080	720	720	720	720	400	1040	900	640	440	400	320	760	800	440	
3	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá kế hoạch thực hiện chương trình	326	326	7	30	16	14	14	14	14	16	32	13	16	7	33	16	13	30	20	
	Tiêu đề dự án 2: Giám sát, đánh giá	326	326	7	30	16	14	14	14	14	16	32	13	16	7	33	16	13	30	20	
C	Chương trình MTQC phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.350	1.350	75	87	75	75	75	75	85	75	85	80	75	75	90	75	85	88	75	
1	Dự án 5: Phát triển giáo dục và đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	500	500	25	37	25	25	25	25	35	25	35	30	25	25	40	25	35	38	25	
-	Tiêu đề dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	500	500	25	37	25	25	25	25	35	25	35	30	25	25	40	25	35	38	25	
2	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	880	880	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50
-	Hoạt động tuyên truyền, vận động thay đổi "nếp nghĩ, cách làm", góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em.	170	170	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10
-	Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi "nếp nghĩ, cách làm" nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thực đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em.	680	680	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40

82